

TÁI XÁC LẬP ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CÁC BANG MIỀN NAM NƯỚC MỸ SAU NỘI CHIẾN: CÁC PHƯƠNG ÁN VÀ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN (1863 - 1877)

Nguyễn Thị Bích

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Tóm tắt. Ngay từ khi lập quốc, các mối đe dọa li khai và chia rẽ là điều thường xuyên xuất hiện trong diễn ngôn chính trị của nước Mỹ. Nỗ lực li khai nghiêm trọng nhất đã được tiến hành vào những năm 1860 và 1861 khi 11 bang miền Nam mỗi bang tuyên bố từ bỏ tư cách là 1 bang của Liên bang, tách khỏi Hoa Kỳ và liên kết với nhau để thành lập một chính phủ mới dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Jefferson Davis. Tìm hiểu cách thức nước Mỹ tái xác lập địa vị pháp lý của các tiểu bang li khai chính là tìm hiểu về quá trình xác lập những nguyên tắc tối quan trọng, quyết định sự phát triển của nước Mỹ: loại bỏ chủ nghĩa li khai, chấp nhận tính đa dạng; xây dựng một chính quyền trung ương mạnh; làm thay đổi mối quan hệ giữa chính quyền Trung ương với chính quyền địa phương. Kết quả của quá trình này sẽ làm thay đổi căn bản kiến trúc thượng tầng, giúp định hình vóc dáng của Hoa Kỳ hiện đại. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung vào 3 vấn đề: thứ nhất, phân tích lập luận của các tiểu bang miền Nam về vấn đề quyền của các bang để biện hộ cho quyết định li khai; thứ hai, hệ thống hóa nội dung ba bản kế hoạch mà Tổng thống và Quốc hội đưa ra nhằm đưa các bang miền Nam trở lại gia đình Liên bang; thứ ba, bước đầu đưa ra một số nhận xét, đánh giá xung quanh vấn đề tái xác lập địa vị pháp lý của 11 bang miền Nam nói trên.

Từ khóa: li khai, Nội chiến, tái xác lập địa vị pháp lý, các bang miền Nam.

1. Mở đầu

Theo *Từ điển Luật học*, địa vị pháp lý được hiểu là vị trí của chủ thể pháp luật trong mối quan hệ với những chủ thể pháp luật khác trên cơ sở các quy định pháp luật. Ngoài ra, ta có thể xem xét địa vị pháp lý của một chủ thể dựa trên các quyền, nghĩa vụ của chủ thể đó với chủ thể khác theo quy định của pháp luật [1].

Đối với nước Mỹ, việc công bố bản Tuyên ngôn độc lập đã đánh dấu sự ra đời của nhà nước Cộng hòa Liên bang đầu tiên ở Tây Bán Cầu trên cơ sở liên minh 13 khu vực thuộc địa, tách khỏi Anh quốc. Ngay sau đó, bản Hiến pháp 1789 ra đời đã xác định Hoa Kỳ là một nước cộng hòa liên bang, có sự kết hợp phân chia quyền lực theo cả chiều ngang (giữa Tổng thống, Quốc hội và Tòa án - tam quyền phân lập) và chiều dọc (giữa chính quyền Liên bang với tiểu bang). Các quyền hạn độc quyền của chính quyền Liên bang (chủ yếu trong Điều I, khoản 8 và Tu chính án thứ mười), cũng như các quyền lực đồng thời được chia sẻ giữa chính quyền Liên bang với chính quyền tiểu bang, và các quyền hạn dành riêng - còn gọi là quyền của các bang - mà chỉ các bang mới có [2].

Tuy nhiên, việc đề xuất một học thuyết mới về chính phủ bao giờ cũng dễ dàng hơn nhiều so với việc xây dựng một chính phủ thực tế có thể tồn tại và hoạt động hiệu quả. Sự khác biệt về mô hình phát triển kinh tế; truyền thống văn hóa xã hội; cũng như những khuynh hướng chính trị

đa nguyên giữa miền Nam và miền Bắc đã tạo nên những cản trở to lớn, thách thức sự trưởng thành của chủ nghĩa quốc gia - dân tộc Mỹ. Sau khi Abraham Lincoln đắc cử trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1860, 11 tiểu bang theo chế độ nô lệ ở miền Nam Hoa Kỳ đã tuyên bố li khai và lập ra chính quyền Hợp bang miền Nam (Confederate States of America). 25 tiểu bang còn lại ủng hộ chính phủ Liên bang miền Bắc (Union). Cuộc Nội chiến Nam - Bắc kéo dài suốt 4 năm và chấm dứt năm 1865 với chiến thắng của phe Liên bang miền Bắc. Vấn đề được đặt ra là: các tiểu bang miền Nam có quyền tự nguyện rời bỏ Liên bang hay không? và khi chiến tranh kết thúc, các bang li khai sẽ có địa vị pháp lí như thế nào trong hệ thống chính trị quốc gia? Làm thế nào để có thể đưa các tiểu bang trên trở lại Liên bang? Quá trình đó đòi hỏi những điều kiện gì? Ai sẽ là người đưa ra các điều kiện này: Quốc hội hay Tổng thống? Làm thế nào để xây dựng lại hệ thống chính quyền mới ở các tiểu bang miền Nam nói trên?

Việc nghiên cứu về Nội chiến và quá trình tái lập quốc gia sau Nội chiến (Tái thiết) thu hút sự quan tâm đặc biệt của giới nghiên cứu. Trong đó, vấn đề địa vị pháp lí của các bang miền Nam được đề cập đến ở một số chiều kích. Thứ nhất, các nghiên cứu về nguyên nhân li khai và những tranh biện xung quanh câu hỏi về tính hợp hiến và hợp pháp của quyết định li khai.

Bài báo *The Reasons for Secession: A Documentary Study* [3] của tác giả John Pierce dựa trên việc khảo cứu văn bản gốc: “Điều khoản li khai” (Article of Secession) và “Tuyên bố nguyên nhân” (Declarations of Causes) của 11 bang. Trong đó xác định hai nguyên nhân chính là chế độ nô lệ và quyền của các bang. Những bất bình khác, chẳng hạn như bóc lột kinh tế và vai trò của quân đội cũng được đề cập đến trong tuyên bố của các bang trên.

Bài nghiên cứu của hai tác giả Chacón, M., & Jensen, J. (2020) đăng trên tạp chí *The Journal of Economic History* [4; 386-416] tập trung nghiên cứu những yếu tố kinh tế và chính trị quyết định của phong trào li khai của các bang miền Nam năm 1860- 1861. Theo tác giả, sự bất bình đẳng về kinh tế và chính trị giữa những người da trắng mới là yếu tố then chốt để quá trình li khai diễn ra ở Alabama và Georgia và một số bang Lower South (Hạ Nam). Cuốn sách *Break It Up: Secession, Division, and the Secret History of America's Imperfect Union* (2020) của nhà báo Richard Kreitner khái quát về một đánh giá lịch sử các phong trào li khai của quốc gia, trong đó đặc biệt đi sâu vào sự kiện li khai của 11 bang miền Nam. Ông cũng đưa ra quan điểm rằng nếu Hoa Kỳ tự chia thành hai hoặc nhiều quốc gia, có lẽ đó không phải là một ý tưởng tồi: “Nếu tổ hợp không lồ của một quốc gia được gọi là Hoa Kỳ không còn hoạt động thống nhất nữa,” ông viết, “có lẽ đã đến lúc phá bỏ nó” [5; 136].

Thứ hai, một số nghiên cứu đề cập cụ thể nội dung của các kế hoạch đưa 11 bang li khai quay trở lại Liên bang. Cuốn sách của tác giả Brenda Stalcup (2001), *Reconstruction: Opposing Viewpoints*, của Nxb Greenhaven Press, California [6] là cuốn sách tập hợp, hệ thống hóa những tư liệu gốc xung quanh vấn đề tái thiết, trong đó, phần chương 1 tác giả liệt kê những bản kế hoạch liên quan đến việc Tái thiết quốc gia. Tuy nhiên, theo tác giả, giữa các bản kế hoạch này có sự khác nhau căn bản. Trong khi Abraham Lincoln cho rằng Tái lập quốc gia (reconstruction nation) là chức năng hành pháp, do Tổng thống quyết định thì Nghị sĩ Henry Davis cho rằng nhiệm vụ đó thuộc chức năng Lập pháp, do Quốc hội điều hành. Với số phận của các bang miền Nam, Ủy ban Tái thiết quốc hội (The Joint Committee on Reconstruction) cho rằng miền Nam đã bị chia rẽ, và là những vùng lãnh thổ bị chiếm đóng, nhưng Andrew Johnson (người lên nắm quyền Tổng thống sau khi Lincoln bị ám sát) lại phản đối quan điểm này [6; 15-54].

Cuốn sách của tác giả Foner Eric, (1988), *Reconstruction: America's Unfinished Revolution* (New York: Harper & Row) và phiên bản rút gọn *Short History of Reconstruction, 1863 - 1877* (Lược sử nước Mỹ thời kì Tái thiết, 1863 - 1877 (tên bản dịch Tiếng Việt), (New York: Harper&Row, 1990) [7], miêu tả chi tiết quá trình Tái thiết nước Mỹ với tư cách là một cuộc cách mạng chính trị - xã hội trong lịch sử nước Mỹ. Đầu năm 2019, Eric Foner xuất bản cuốn *The Second Founding: How the Civil War and Reconstruction Remade the Constitution* (New York: W. W. Norton) [8] nhấn mạnh tầm quan trọng của những điều chỉnh, bổ sung Hiến pháp được thông qua trong thời kì Tái thiết (Tu chính án 13,14,15) đối với quá trình tái lập lại

hệ thống chính trị quốc gia chứ không phải chỉ là sự bổ sung, sửa chữa thông thường. Trong các tác phẩm của Eric Foner, vấn đề tái xác lập địa vị pháp lí của các bang miền Nam không được trình bày riêng mà nằm trong dòng chảy các sự kiện lịch sử của quá trình Tái thiết.

Trong cơ sở khai thác tư liệu, tác giả tiến hành hệ thống lập luận các bang để biện hộ cho quyết định li khai; thứ hai, phân tích nội dung ba bản bản kế hoạch mà Tổng thống và Quốc hội đưa ra nhằm đưa các bang miền Nam trở lại gia đình Liên bang; thứ ba, bước đầu đưa ra một số nhận xét, đánh giá xung quanh vấn đề tái xác lập địa vị pháp lí của 11 bang miền Nam nói trên.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lập luận li khai của 11 tiểu bang miền Nam

Năm 2011, nhân dịp kỷ niệm 100 năm Nội chiến Mĩ (1861), một cuộc thăm dò của Trung tâm nghiên cứu Pew cho thấy người Mĩ bị chia rẽ đáng kể về vấn đề này với 48% nói rằng cuộc chiến “chủ yếu là về quyền của các bang”, 38% nói rằng cuộc chiến “chủ yếu là về chế độ nô lệ”; với phần còn lại trả lời “cả hai đều như nhau” hoặc “không/không biết” [3].

Khảo sát trong lịch sử, tư tưởng li khai của miền Nam không phải đến giữa thế kỉ XIX mới xuất hiện mà đã tồn tại ngay từ thế kỉ XVIII [5], xung quanh câu hỏi về “*quyền của các bang*” (states' rights) đã được các chính trị gia tranh luận sôi nổi ở cả miền Bắc và miền Nam trước Nội chiến. Quan điểm li khai này đã có một lịch sử khá lâu dài, từ quan điểm của Jefferson và Madison thể hiện trong bản Hiến pháp của bang Kentucky và Virginia, quan điểm của John C. Calhoun và hầu hết người miền Nam kể từ những năm 1830. Theo quan niệm này, các bang đã gia nhập Liên minh một cách tự nguyện và do đó có quyền rời bỏ nó [5;386]. Điều này được bắt nguồn từ mong muốn bảo vệ một số đặc quyền của tiểu bang trước sự can thiệp quá mức của nhà nước Liên bang. Nhà sử học Maury Klein đã mô tả cuộc tranh luận đương thời: “Liệu nhà nước Cộng hòa này có phải là một quốc gia thống nhất trong đó các bang riêng lẻ đã hợp nhất các quyền và bản sắc của họ mãi mãi hay đó chỉ là một liên minh gồm các quốc gia có chủ quyền liên kết với nhau vì những mục đích cụ thể mà họ có thể rút lui bất cứ lúc nào?” [10;32-33].

Các bang miền Nam cho rằng Liên bang là “hiệp hội của các quốc gia có chủ quyền”, do đó, “các bang một khi gia nhập Liên bang vẫn có thể li khai khi họ muốn tự hủy bỏ mối liên kết đó và khôi phục lại vị trí là một quốc gia có chủ quyền” [9;124]. Và “Hiến pháp Hoa Kỳ là một sự thỏa thuận giữa các bang có chủ quyền tạo ra chính phủ Liên bang với quyền lực giới hạn và những tiểu bang vẫn duy trì tất cả các quyền lực khác. Tiểu bang sẽ có quyền quyết định đi hay ở nếu sự thỏa thuận bị vi phạm” [9;124].

Ngoài ra, theo Tu chính án X Hiến pháp Liên bang thì: “Những quyền lực không được Hiến pháp trao cho Liên bang và không ngăn cấm các bang thực hiện, thì thuộc về các bang tương ứng hoặc thuộc về nhân dân” [2;34]. Vì vậy, trong các cuộc tranh luận tại Quốc hội, chính khách miền Nam cho rằng: mỗi bang có quyền tự quyết định đối với những vấn đề liên quan như: đưa ra quy định về ngân hàng, hệ thống đường sắt, xây dựng trường học, chi phí cho các dự án xây dựng đường sá, cầu cảng, thủy lợi. Trong đó cốt lõi nhất là việc các bang có quyền được quyết định duy trì hay không duy trì chế độ nô lệ tại tiểu bang mình. Như vậy, khi quyền lợi của họ bị đe dọa thì họ có thể sử dụng quyền được bảo đảm trong Tuyên ngôn độc lập: “thay đổi hoặc hủy bỏ”, một hình thức chính phủ bất kì khi chính phủ này phá hoại “cuộc sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc” [5;317]. Như vậy, việc li khai của các bang miền Nam theo quan điểm của họ - dù là một hành động tức thời song *hợp pháp*.

Trong những năm đầu của đất nước, người miền Nam đã từng thảo luận về việc li khai do lo ngại về việc bãi bỏ chế độ nô lệ. Nhưng khi ý tưởng trên thực sự được thúc đẩy vào năm 1832, không phải xung quanh vấn đề nô lệ mà là vấn đề thuế quan. Biểu thuế quan quốc gia đã được thông qua để bảo vệ các nhà sản xuất miền Bắc nhưng lại làm tăng giá đối với hàng hóa

sản xuất được mua ở miền Nam chủ yếu là nông nghiệp, nơi biểu thuế năm 1828 được mệnh danh là “Thuế quan ghê tởm” (Tariff of Abominations). Cơ quan lập pháp của Nam Carolina tuyên bố các Đạo luật thuế quan năm 1828 và 1832 là “không được Hiến pháp Hoa Kỳ cho phép” và bỏ phiếu cho chúng là vô hiệu. Tổng thống Andrew Jackson đã đáp lại trong Bản Thông điệp thường niên gửi Quốc hội: “VẬY THÌ, TÔI CHO RẰNG QUYỀN HỦY BỎ MỘT ĐẠO LUẬT CỦA HOA KỲ, DO MỘT BANG ĐAM NHẬN, KHÔNG TƯƠNG THÍCH VỚI SỰ TỒN TẠI CỦA LIÊN BANG, Mâu thuẫn rõ ràng với nội dung của Hiến pháp, không phù hợp với mọi nguyên tắc mà nó được thành lập và phá hoại đối tượng vĩ đại mà nó được hình thành” [5;113]. Johnson cũng đe dọa sẽ gửi quân đội Liên bang để dập tắt phong trào và treo cổ thủ lĩnh của những người li khai ở cái cây cao nhất ở Nam Carolina. Bang Nam Carolina đã phải hủy bỏ Sắc lệnh của mình. Sự kiện này được biết đến là mối đe dọa chia rẽ nghiêm trọng nhất mà đất nước non trẻ phải đối mặt.

Năm 1857, một cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng đã diễn ra ở Mĩ. Kinh tế miền Bắc bị suy giảm nghiêm trọng, trong khi đó, miền Nam gần như không bị ảnh hưởng. Giá sợi bông trên thế giới vẫn rất cao. Tại thời điểm năm 1859, sự thịnh vượng của miền Nam đã cứu nền kinh tế của cả quốc gia. Đây chính là bối cảnh ra đời của câu nói nổi tiếng: “bông là vua” (cotton is King). Do đó, người miền Nam càng tin tưởng rằng: bông là loại hàng hóa mạnh nhất thế giới và miền Nam sẽ không phải lo lắng về các vấn đề kinh tế như cách miền Bắc đang gặp phải. Điều này càng tạo động lực cho những người miền Nam cực đoan tuyên truyền cho việc li khai, tách miền Nam khỏi Liên bang.

Chỉ vài tuần sau chiến thắng của Lincoln, các bang miền Nam bắt đầu tiến trình li khai khỏi Liên bang. Mở đầu là bang Nam Carolina tuyên bố rút khỏi Liên bang tháng 12/1860. Tiếp sau đó là 6 bang: Mississippi (9/1/1861); Florida (10/1), Alabama (11/1), Georgia (19/1); Louisiana (26/1) và Texas (1/2). Ngày 4/2/1861, đại biểu của 7 tiểu bang miền Nam tiến hành hội nghị tại Montgomery (Alabama), tuyên bố thành lập Chính phủ Hợp bang miền Nam do Tổng thống Jefferson Davis (Confederate States of America) đứng đầu. Bốn tiểu bang tiếp theo là: Virginia (17/4), Arkansas (6/5), Tennessee (7/5), Bắc Carolina (20/5) gia nhập vào chính phủ Hợp bang, thủ đô đặt tại Richmond [9;358-360].

Miền Bắc ngay lập tức lên án hành động này, *không công nhận* sự tồn tại của chính quyền Hợp bang, bởi quyền tiến hành cách mạng nêu ra trong bản Tuyên ngôn độc lập chỉ áp dụng với các chính phủ chuyên chế, chứ không có quyền “tiêu diệt chính phủ dân chủ và tự do”. Ngày 12/4/1861, tướng P. Beauregard đã cho pháo kích vào căn cứ Sumter tại cảng Charleston, bang Nam Carolina. Nội chiến Mĩ chính thức bắt đầu.

Khi Nội chiến kết thúc, nước Mĩ sẽ phải tiếp tục cuộc đấu tranh nhằm hoàn thành những nhiệm vụ mà cuộc Nội chiến đề ra: loại bỏ hoàn toàn xu hướng li khai; xác định con đường phát triển kinh tế chung; một mô hình Chính phủ thống nhất và những giá trị tự do, dân chủ mang tính phổ quát cho toàn nước Mĩ. Trong đó, việc tái xác lập địa vị pháp lí của các bang miền Nam chính là biểu hiện trung tâm cho những nỗ lực đó.

2.2. Các phương án Tái thiết: nội dung và quá trình thực hiện

Năm 1789, Hiến pháp Hoa Kỳ chính thức có hiệu lực. Cho đến ngày nay, Hiến pháp Mĩ đã trải qua 27 lần sửa đổi và tiếp tục tồn tại. Một trong những lí do khiến văn kiện này duy trì sức sống của mình là nguyên tắc tính linh hoạt, có thể điều chỉnh tùy theo hoàn cảnh. Tuy nhiên, trong Hiến pháp không có bất kì điều khoản nào cho phép hay có cơ chế để một bang có thể tách khỏi Liên bang, nhưng cũng không có điều khoản nào cấm họ rời khỏi. Sử gia người Anh W.R Brock ví Hiến pháp Mĩ lúc này như “một chiếc áo bó” (straight-jacket) với dụng ý những người soạn thảo Hiến pháp đã không lường trước tình huống này [8;319].

Xuất phát từ những mục đích khác nhau, đã có 3 phương án được đưa ra để giải quyết vấn đề trên, bao gồm: phương án của Tổng thống Lincoln, phương án của Tổng thống Andrew Johnson và phương án Cấp tiến của Quốc hội.

2.2.1. Phương án của Tổng thống Lincoln (1863 - 1865)

Việc Tái thiết lại đất nước không phải đợi đến khi Nội chiến chấm dứt mới được tiến hành, mà nó đã được thực hiện ngay từ năm 1863, khi quân đội Liên bang giành được quyền kiểm soát ở các bang Louisiana, Arkansas và Tennessee. Ngày 8/12/1863, Lincoln kí bản *Tuyên bố ân xá và Tái thiết* (Proclamation of Amnesty and Reconstruction). Đây được coi là bản kế hoạch đầu tiên nhằm quyết định số phận giới lãnh đạo phe li khai, cũng như tương lai miền Nam.

Trước hết, Lincoln phản bác những lập luận của phe li khai. Theo ông, quốc gia này được tạo ra bởi nhân dân chứ không phải là các tiểu bang; các tiểu bang không có chủ quyền mà quyền lực nằm trong tay nhân dân. Do đó, li khai là *việc làm bất hợp pháp, bất hợp hiến và vô giá trị* [6], các bang miền Nam *chưa bao giờ thực sự* rời khỏi Liên bang.

Việc li khai của miền Nam chỉ là “một cuộc nổi loạn theo đó các chính quyền trung thành của một số bang đã bị lật đổ” bởi âm mưu của “một nhóm thiểu số” các nhà lãnh đạo miền Nam. Đại đa số người miền Nam bị lừa dối dẫn tới việc thách thức và không tuân phục chính quyền Liên bang. Và vì “chiến tranh là hành động của các cá nhân nên chính phủ Liên bang sẽ xử lí các cá nhân này chứ không phải với các bang” [11;202].

Bản *Tuyên bố ân xá và Tái thiết* cũng đưa ra một đường hướng khá dễ dàng để “tái lập các chính quyền tiểu bang trung thành” [10] để họ có được vị trí trước kia trong quốc gia với 3 nội dung: thứ nhất, ân xá hoàn toàn và trao trả tài sản cho tất cả những ai tham gia cuộc nổi dậy (ngoại trừ các quan chức cấp cao nhất và các nhà lãnh đạo quân sự của Hợp bang miền Nam (Confederate): “với điều kiện là mỗi người đó phải tuyên thệ và đăng kí, và từ đó trở đi giữ lời thề bất khả xâm phạm; lời thề sẽ được đăng kí để lưu giữ vĩnh viễn” [6].

Thứ hai, ở bất kì bang nào, *chỉ cần 10%* những người đi bầu vào năm 1860 tham gia bầu cử để thành lập được chính quyền mới. Sau khi được thành lập, chính quyền này phải tuyên bố xóa bỏ chế độ nô lệ, tuyên thệ trung thành với Hiến pháp Mĩ, công nhận sự phục tùng các luật của Quốc hội và những tuyên bố của Tổng thống thì sẽ được công nhận là chính quyền hợp pháp của bang. Sau đó họ sẽ được hưởng đầy đủ các quyền của một tiểu bang theo quy định của Hiến pháp với “tên của bang, ranh giới, các phân khu, hiến pháp và bộ luật chung, như trước cuộc nổi loạn” [12].

Ngay khi cuộc chiến còn đang diễn ra quyết liệt, kế hoạch 10% của Tổng thống Lincoln đã được thực hiện ở Louisiana, Arkansas và Tennessee, các chính phủ trung thành được thành lập theo kế hoạch của Lincoln. Họ tìm cách tái gia nhập Liên minh và cử đại diện của họ trong Quốc hội. Tuy nhiên, ý tưởng khôi phục lại địa vị của các bang li khai một cách nhanh chóng theo kế hoạch của Lincoln đã khơi lên một làn sóng phản đối mạnh mẽ, đặc biệt từ những người Cấp tiến trong Quốc hội. Trước hết, nhiều đảng viên Cộng hòa cho rằng kế hoạch này quá nhẹ nhàng cho các bang miền Nam nếu xét thiệt hại của cuộc nội chiến. Họ ủng hộ cho việc “trừng phạt nghiêm khắc tất cả các bang đã li khai” bởi cuộc chiến sẽ “không thu được thắng lợi khi các lực lượng miền Nam lại khôi phục được quyền lực của họ” [11;202].

Với chính quyền các bang miền Nam mới thiết lập, họ cho rằng đó là một “kim tự tháp lộn ngược” khi nền móng xây dựng chỉ dựa trên một tỉ lệ rất nhỏ dân số - chỉ 10% cử tri năm 1860. Chính quyền mới ở các bang này sẽ không nhận được sự ủng hộ rộng rãi của công chúng. Thêm vào đó, những diễn biến ở Louisiana khiến những đảng viên Cộng hòa Cấp tiến cảm thấy lo ngại cho số phận của những người cựu nô lệ được tự do trong thời kì hậu chiến khi Kế hoạch 10% của Lincoln không hề có sự đối xử công bằng với những người nô lệ được giải phóng.

Tháng 2 năm 1864, thượng nghị sĩ bang Ohio, Benjamin Wade và đại diện của Maryland, Henry Winter Davis, đã đề xuất (Wade-Davis Bill) với những quy định nghiêm ngặt hơn nhiều so với kế hoạch của Lincoln. Nội dung của Dự luật đề nghị: tạm hoãn công cuộc Tái thiết ở mỗi tiểu bang cho đến khi nào đa số những người nam giới, da trắng cam kết ủng hộ Hiến pháp của Liên bang và đồng ý sự bình đẳng cho công dân da màu [12;115]. Sau đó, một Đại hội Lập hiến sẽ được tổ chức nhưng quyền bầu cử chỉ giới hạn cho những người đã tuyên thệ “*lời thề sắt*”

(ironclad oath) - Những người này phải tuyên thệ chưa từng hỗ trợ, giúp đỡ cho phe Liên minh. Những người không thề hoặc không tuyên thệ sẽ không thể tham gia vào đời sống chính trị tương lai của miền Nam. Như vậy, đây là điểm khác biệt với kế hoạch của Lincoln khi yêu cầu lời thề *về lòng trung thành trong quá khứ*.

Đồng thời, văn bản này cũng xác lập quyền cai trị bằng quân sự ở các tiểu bang miền Nam cho đến khi chính phủ dân sự được thiết lập. Mục đích của họ là muốn trì hoãn quá trình Tái thiết cho đến khi chiến tranh chấm dứt.

Quốc hội đã thông qua Dự luật Wade-Davis, và nó đã được chuyển đến Lincoln để xin chữ kí của ông. Lo ngại rằng dự luật Wade - Davis sẽ gạt bỏ chính quyền đang tồn tại ở Louisiana nên Tổng thống Lincoln đã “phủ quyết ngầm” (pocket veto) dự luật trên.

Khi “Kế hoạch 10%” còn đang được thực hiện dang dở thì Lincoln bị ám sát. Ngày 15/4/1865 Andrew Johnson tuyên thệ nhậm chức Tổng thống. Quốc hội lúc này không trong phiên họp mà phải đợi đến tháng 12 mới được tổ chức. Do đó, trong suốt 8 tháng, Johnson tự đưa ra một dự án riêng về quá trình Tái thiết. Những bất đồng về chính sách tái thiết hậu chiến đã dẫn đến một trận chiến nảy lửa giữa Tổng thống kế nhiệm – Andrew Johnson – và Quốc Hội.

2.2.2. Phương án của Tổng thống Andrew Johnson (1865 - 1867)

Tháng 12/1867, trong bài phát biểu trước Thượng viện ông cho rằng: “Nội chiến không phải là cuộc chiến tranh giữa hai quốc gia riêng biệt mà đó là cuộc chiến giữa phe nhóm nổi loạn với những người trung thành” [12;223]. Vì thế, những kẻ phản bội “ghê tởm và đáng bị trừng phạt” [12;225] nhưng về pháp lí, các tiểu bang chưa bao giờ tách khỏi Liên bang, cũng như các tổ chức chính trị của nó không đánh mất quyền lợi của mình. Họ vẫn có đầy đủ các quyền như trước đây. Do đó, công việc duy nhất là thực hiện phục hồi, tiếp nhận các tiểu bang miền Nam trở lại chính phủ.

Để thực hiện quá trình *xây dựng lại* miền Nam, ông chủ trương sẽ thiết lập các chính quyền lâm thời trong đó các Thống đốc bang do Tổng thống chỉ định. Chính phủ lâm thời sẽ triệu tập hội nghị theo Hiến pháp của bang nhằm viết lại Hiến pháp bang với các nội dung: (1) phê chuẩn sửa đổi thứ mười ba bãi bỏ chế độ nô lệ (2) thoái thác các khoản nợ của Liên minh và (3) từ bỏ các sắc lệnh li khai [12;1210]. Khi đã tuân thủ những điều kiện khoan dung này, các bang sẽ được tái sáp nhập vào Liên bang. Sau đó họ có thể tái bầu cử và thiết lập chính phủ mới.

Chỉ trong vòng vài tháng, tất cả các cựu bang nổi loạn, ngoại trừ Texas, đã hoàn tất quy trình và đã bầu đại diện cho phiên họp Quốc hội. Năm 1865, chính quyền Johnson tuyên bố đã có đủ số bang cần thiết thông qua Tu chính án thứ 13 và chế độ nô lệ đã được chính thức bãi bỏ trong Hiến pháp.

Theo Điều khoản 4 Hiến pháp Hoa Kỳ là điều khoản phác thảo ra mối quan hệ giữa các tiểu bang thì Quốc hội Hoa Kỳ có quyền cho phép các tiểu bang mới được gia nhập vào liên bang. Tuy nhiên, các bài báo trên tạp chí *New York Times*, *Harper's Weekly* lại chỉ ra cho dư luận miền Bắc thấy miền Nam dường như có ý định tái nô dịch các cựu nô. Luật đen (Black Codes) và Luật lang thang (Vagrancy law) được thông qua ở các bang miền Nam cho thấy: không bang nào chịu nhường cho người da đen được quyền chính trị, thậm chí còn tìm cách cố gắng sắp đặt địa vị cho người da đen tự do trong xã hội miền Nam vĩnh viễn ở cấp bậc thấp với những điều khoản khắc nghiệt, đầy thù hận với dụng ý nhằm khôi phục lại một chế độ nô lệ biến tướng. Tờ Chicago Tribune chỉ trích: “Chúng tôi nói với những người đàn ông da trắng Mississippi rằng: những người miền Bắc sẽ biến chính quyền bang Mississippi thành con ếch trong ao khi họ cho phép bất cứ điều luật nào làm dơ bản mảnh đất nơi những người lính của chúng ta đang nghỉ ngơi và đâm lên lá cờ tự do đang tung bay” [13;590]. Đó không phải là những gì miền Bắc mong muốn khi hàng trăm ngàn người miền Bắc đã chiến đấu và hi sinh.

Vì vậy, năm 1866, khi Tổng thống Johnson thông báo rằng quá trình Tái thiết đã kết thúc, các chính phủ trung thành được thiết lập ở miền Nam thì những đảng viên Cộng hòa từ chối chấp thuận đại diện miền Nam trong Quốc hội và đưa ra kế hoạch riêng của họ.

2.2.3. Phương án của Quốc hội cấp tiến (1866 - 1877)

Quốc hội Hoa Kỳ khóa 38 được bầu năm 1864 khi cuộc chiến đang diễn ra ác liệt và được nhóm họp lần đầu vào ngày 4/12/1865. Lúc đó đảng Cộng hòa hầu như kiểm soát cả hai viện Quốc hội với đa số áp đảo 3/1. Vì vậy, những chính sách của đảng Cộng hòa sẽ định hình đường lối chính trị đề ra tại Quốc hội.

Quan điểm của những người Cấp tiến trong đảng Cộng hòa (Radical Republic) *hoàn toàn đối lập* với kế hoạch Tái thiết của các Tổng thống. Họ cho rằng quá trình Tái thiết đất nước sau chiến tranh phải là cuộc “cách mạng hóa các thể chế, thói quen và cách cư xử... Nền tảng của các tổ chức phải bị phá vỡ hoặc tất cả máu và tài sản của chúng ta đã được sử dụng trong vô vọng” [3;104]. Những người Cộng hòa cấp tiến hi vọng sẽ biến đổi hoàn toàn xã hội miền Nam, giải tán tầng lớp quý tộc chủ đồn điền, phân phối lại đất đai, phát triển công nghiệp và bảo đảm quyền tự do dân sự cho các nô lệ. Đối với địa vị pháp lí của 11 bang li khai, họ có cách nhìn nhận, đánh giá rất nghiêm khắc.

Tháng 7/1861, James Ashley - nghị sĩ của bang Ohio đã đề xuất dự luật thiết lập “*chính quyền biên địa*” (Territorial governments) ở miền Nam. Dự luật này xuất phát từ lí thuyết “*The State suicide theory*” của Nghị sĩ Charles Sumner, bang Massachusetts. Từ năm 1862, Charles Sumner và một số đảng viên Cộng hòa khác đã tìm kiếm cơ sở pháp lí cho việc thực thi quyền lực của Quốc hội trong việc quản lí các khu vực bị chiếm đóng của Hợp bang miền Nam và xóa bỏ chế độ nô lệ ở đó. Theo ông, khi tiến hành li khai là các bang miền Nam đã “*khai tử*” (suicide) bang của mình, tự kết thúc vai trò là một thực thể chính trị bang (states). Do đó, chỉ có thể được hưởng quy chế như các “*vùng lãnh thổ*” (territory) mà thôi [1;8].

Một phương án cực đoan hơn là Lí thuyết *Các vùng đất bị chinh phục* (the conquered provinces theory) do Thaddeus Stevens một thành viên của Hạ viện từ Pennsylvania và là một người theo chủ nghĩa bãi nô hàng đầu đề xuất. Stevens lập luận rằng hành động của các bang miền Nam và người dân miền Nam là rất tàn ác và là tội phạm chính trị đến mức họ đã phá vỡ Hiến pháp [5;47]. Nếu Hiến pháp về cơ bản đã bị phá vỡ, thì nó không còn được áp dụng nữa. Vậy là mỗi ràng buộc đã thống nhất Liên bang đã bị phá vỡ và Hoa Kỳ (miền Bắc) đã chinh phục miền Nam độc lập bằng vũ lực. Vì vậy, Quốc hội có quyền tái thiết các bang miền Nam theo bất kì cách nào mà họ chọn. Stevens nói, các bang miền Nam phải được coi là *các vùng đất bị chinh phục* theo luật pháp quốc tế.

Theo tác giả, mục đích chính của Thaddeus Steven là phân phối lại đất của các chủ đồn điền miền Nam, chia thành các phần nhỏ cho lao động tự do. Điều này sẽ dễ thực hiện và hợp pháp hơn ở “*các vùng bị chinh phục*” (conquered provinces) hơn là ở các “*vùng lãnh thổ*” (territory) hay các “*tiểu bang*” (state). Tháng 12/1866, tại phiên họp Quốc hội khóa 39, Quốc hội đã phớt lờ bài diễn văn của Tổng thống kêu gọi phục hồi quyền đại diện của những tiểu bang li khai.

Tháng 1/1867, Quốc hội thông qua Dự luật cho phép người da đen ở quận Columbia (District of Columbia) được phép tham gia bầu cử. Nhiều vấn đề khác được thảo luận như: giải phóng toàn diện người da đen ở miền Nam, thực hiện thiết quân luật, đưa vốn đầu tư và lao động từ phía Bắc xuống xây dựng nền văn minh và dân chủ ở phía Nam.

Tháng 3/1867, Quốc hội đưa ra *Đạo luật Tái thiết* (Reconstruction Acts). Theo đó, Quốc hội thực hiện: (1) chia các bang miền Nam (ngoại trừ Tennessee đã thông qua Tu chính án 14) thành 5 khu vực quân sự, mỗi khu vực quân sự nằm dưới quyền thực thi pháp lí của một tướng quân sự và mỗi vấn đề đều xét theo luật quân sự. (2) Nhiệm vụ của các vị tướng này là giám sát tiến trình thành lập chính phủ mới ở miền Nam. Những người thuộc phe li khai trước kia sẽ không được tham gia bầu cử cũng như không được nắm giữ chức quyền. (3) Sau khi hoàn thành quá trình bầu cử, một Hội nghị lập hiến sẽ được thiết lập, phê chuẩn Hiến pháp mới trong đó phải ủng hộ nguyên tắc cho phép người da đen được bầu cử và phê chuẩn Tu chính án thứ 14 cũng như các phân đã sửa đổi của Hiến pháp Liên bang. (4) Sau khi hoàn thành các yêu cầu trên

(thông qua tu chính án và quyền bỏ phiếu của người da đen), các bang đó được chính thức quay trở lại Liên bang và được phép có đại diện trong Quốc hội [12;397].

Từ tháng 3/1867 đến tháng 3/1868, Quốc hội Cấp tiến đã đưa ra các Đạo luật Tái thiết, trong đó thi hành các biện pháp trừng phạt đối với những kẻ phiến loạn cũ, ngăn lãnh đạo phe li khai nắm quyền, ủng hộ mạnh mẽ các quyền của người Mĩ gốc Phi, phê chuẩn các Hiến pháp mới. Đến tháng 6/1868, sau khi chấp thuận các điều kiện của Quốc hội, các bang: Arkansas, Bắc Carolina, Nam Carolina, Louisiana, Georgia, Alabama và Florida đã được tái kết nạp vào Liên bang. Ba bang cuối cùng là Mississippi, Texas, Virginia được chấp nhận trở lại Liên bang năm 1870.

2.3. Một số nhận xét

1. Cuộc Nội chiến (1861-1865) và những vấn đề phức tạp đặt ra sau chiến tranh đã khiến nước Mĩ rơi vào giai đoạn khủng hoảng lí luận và thực tiễn sâu sắc nhất trong lịch sử xung quanh vấn đề quyền của các bang và mối quan hệ giữa chính quyền trung ương với chính quyền địa phương [2;149]. Đối với vấn đề địa vị pháp lí của các bang miền Nam li khai, đã có ba phương án chính được đưa ra. Mỗi một phương án được xem là một *thử nghiệm chính trị* khác nhau, nhằm giúp đất nước phục hồi vết thương chiến tranh, đoàn kết lại quốc gia - dân tộc và xây dựng các mối quan hệ lao động, chủng tộc và chính trị mới.

2. Khi xem xét nội dung *Kế hoạch 10%* của chính phủ Lincoln ta nhận thấy: Thứ nhất, đây là một chương trình ân xá cho những ai “*tuyên bố trung thành với chính phủ*” - lòng trung thành trong tương lai. Không quan trọng họ đã làm điều gì trong quá khứ, chỉ cần họ tuyên thệ trung thành với Hoa Kỳ, tuyên thệ chấp nhận xóa bỏ chế độ nô lệ là được ân xá. Theo tác giả, mục đích của Lincoln trong bản kế hoạch này là nhằm hướng đến những cựu đảng viên đảng Whig ở miền Nam. Trước Nội chiến, bộ phận này đã ủng hộ nhiều chính sách kinh tế của đảng Cộng hòa. Họ cũng đã không li khai trong chiến tranh. Giờ đây ông hy vọng họ sẽ chấp nhận kế hoạch khoan dung này của chính phủ Liên bang. Khi gia nhập đảng Cộng hòa, họ có thể trở thành những người đứng đầu, lãnh đạo quá trình đưa miền Nam tái hội nhập đất nước, giám sát và điều hòa việc chuyển tiếp từ chế độ lao động cưỡng bức (nô lệ) qua lao động tự do. Đồng thời, giúp ngăn chặn những người miền Nam gia nhập đảng Dân chủ.

Thứ hai, đây là quá trình *tự Tái thiết* của các bang (self-reconstruction), có rất ít sự tham gia của chính quyền Trung ương. Các tiểu bang miền Nam sẽ quay trở lại Liên bang với đầy đủ các quyền chính trị trước kia với cách thức tổ chức kinh tế, xã hội được giữ nguyên vẹn (ngoại trừ chế độ nô lệ). Các bang li khai soạn thảo các bản Hiến pháp mới càng nhanh càng tốt để Hoa Kỳ có thể tồn tại như trước đây.

3. Kế hoạch “*Phục hồi*” (Restoration) của Tổng thống Andrew Johnson với Kế hoạch 10% của Tổng thống Lincoln là ở mong muốn nhanh chóng đưa các bang li khai quay trở lại Liên bang với những điều khoản “*khoan dung*” thì *điểm khác biệt lớn nhất* trong kế hoạch xây dựng lại các chính quyền mới ở miền Nam của Johnson là *trao quyền cho những tiểu chủ da trắng* miền Nam, triệt hạ ảnh hưởng, tách những đại điền chủ ra khỏi tiến trình chính trị. Quan điểm chính trị của Johnson chịu ảnh hưởng lớn từ hoàn cảnh gia đình và tính cách con người ông. Johnson sinh ra và lớn lên ở Nam Carolina, sau đó chuyển đến sinh sống ở khu của các tiểu điền chủ phía Đông Tennessee. Ông tham gia chính trị với tư cách là phát ngôn viên cho những người da trắng miền Đông. Họ cần trường học, đường sắt, phát triển kinh tế... nhưng các điền chủ giàu có ở phía Tây Tennessee quản lí chính quyền bang trước Nội chiến đã không cung cấp bất cứ điều gì cho miền Đông Tennessee. Johnson đã tập hợp những người có cùng hoàn cảnh như vậy trong khu vực. Sử gia Davis Donald gọi ông là “*người da trắng nghèo*” (a poor white) trong Nhà trắng. Do đó, quan điểm của ông đặc biệt phản ánh nguyện vọng của người da trắng nghèo ở miền Nam.

4. Quốc hội Tái thiết đã đưa ra bản kế hoạch được xem là *toàn diện và triệt để nhất* nhằm thực hiện một cuộc cách mạng xã hội ở miền Nam. Đó là quá trình xây dựng lại các thiết chế công cộng đã bị chiến tranh tàn phá, thiết lập nên hệ thống giáo dục công lập và nỗ lực thử

nghiệm xây dựng một nền chính trị dân chủ, bình đẳng giữa các chủng tộc - một điều chưa từng tồn tại trong lịch sử nước Mỹ từ khi lập quốc. Họ cũng khởi xướng một chương trình trợ giúp đầy tham vọng với nền kinh tế miền Nam với việc xây dựng các tuyến đường sắt xuyên lục địa, hy vọng biến khu vực này thành một xã hội đa dạng, hiện đại hóa với nhiều cơ hội hơn cho người da trắng cũng như người da đen. Những hoạt động của chính quyền Cấp tiến ở các bang miền Nam cho thấy (1867-1876) đây chính là giai đoạn phát triển cao nhất của quá trình Tái thiết.

Lí giải cho thái độ chính trị kiên quyết của Quốc hội, ta có thể xem xét đến nguồn gốc xuất thân của họ. Phần lớn thành viên phái Cấp tiến đại diện cho một khu vực địa lí cụ thể của miền Bắc tạm gọi là Upper North (Thượng Bắc) bao gồm khu vực New England, phía bắc Ohio, phía Bắc Illinois, Michigan. Đây là khu vực kinh tế thịnh vượng, có mạng lưới giao thông đường sắt rộng khắp từ New York đến Ohio, Illinois. Do đó, ý tưởng về lao động tự do - tư tưởng cốt lõi của đảng Cộng hòa - càng có điều kiện phát triển mạnh mẽ ở khu vực này. Tuy nhiên, yếu tố chính giúp đoàn kết nhóm này trong nội bộ đảng Cộng hòa chính là sự nghiệp của họ đã được định hình xung quanh vấn đề nô lệ. Khu vực Thượng Bắc còn được gọi với tên “*burned-over districts*” (các quận bùng cháy) bởi lẽ đây là trung tâm của các phong trào xã hội như: phục hưng tôn giáo Phúc âm, cải cách xã hội không tưởng và các phong trào đấu tranh đòi tự do khác. Phong trào bãi nô ở đây mạnh mẽ hơn rất nhiều so với Hạ Bắc [12;162]. Đây còn là quê hương của “văn hóa Thanh giáo” - mong muốn thanh tẩy những tội lỗi của thế giới để xây dựng một cộng đồng tốt đẹp. Do đó, miền Nam sẽ chính là ví dụ tốt để họ thực hiện mục đích của mình.

5. Quá trình tiến hành các phương án Tái thiết đã cho thấy sự đối đầu gay gắt giữa Tổng thống và Quốc hội xung quanh câu hỏi: Ai sẽ là người đưa ra các điều kiện và chỉ đạo quá trình tái lập địa vị pháp lí của các bang miền Nam?

Theo quan điểm của các vị Tổng thống, việc khôi phục địa vị pháp lí của các bang miền Nam thuộc về nhánh Hành pháp vì Nội chiến là một cuộc “*nổi loạn*” chứ không phải là cuộc chiến giữa hai cường quốc có chủ quyền. Theo Điều 2, khoản 2 Hiến pháp quy định: “Tổng thống là Tổng tư lệnh các lực lượng lục quân và hải quân Hoa Kỳ và của lực lượng dân quân ở một số bang khi lượng này được triệu tập để phục vụ Hợp chúng quốc... Tổng thống có quyền hủy bỏ bản án hoặc ân xá đối với những hành vi chống lại Hoa Kỳ”. Vì vậy, Tổng thống đã triệu tập quân đội với tư cách là tổng tư lệnh để dập tắt cuộc nổi loạn. Việc Tổng thống là người đưa ra các tiêu chí xem ai sẽ là người được ân xá hoặc không; việc xác định các tiêu chí để các tiểu bang phục hồi địa vị pháp lí trong Liên bang cho thấy Tổng thống sẽ là người toàn quyền điều hành nỗ lực hàn gắn đất nước sau chiến tranh.

Quan điểm trên vấp phải sự phản đối gay gắt của Quốc hội. Phương án của Quốc hội, nhấn mạnh rằng khi các chính phủ đã nổi dậy chống lại Liên bang, họ đã mất đi tư cách bang (state's rights) với các quyền và nghĩa vụ của mình. Lúc này họ chỉ được xem là các “vùng lãnh thổ” hoặc “vùng bị chiếm đóng”. Nghĩa là, muốn trở lại Liên bang, các thực thể chính trị trên phải “*được Quốc hội Hoa Kỳ cho phép gia nhập*” với những điều kiện do Quốc hội đề ra. Thêm vào đó, việc miền Nam mất đi tư cách “bang” (states) đồng nghĩa với *không có đại diện* trong Quốc hội sẽ giúp đảng Cộng hòa loại bỏ hoàn toàn sự tham gia của những đảng viên đảng Dân chủ miền Nam. Nói cách khác, họ có thể toàn quyền điều hành quá trình Tái thiết mà không chịu sự can thiệp từ Tổng thống.

Chính mâu thuẫn gay gắt trên đã khiến giai đoạn này đầy rẫy những biến động chính trị khi quyền phủ quyết (veto) được cả Quốc hội và Tổng thống sử dụng triệt để nhằm loại bỏ những điều khoản trái với tính toán chính trị của mình, thậm chí là luận tội Tổng thống.

Tranh cãi về vấn đề người điều hành quá trình Tái lập địa vị pháp lí ở các bang miền Nam, xét về bản chất chính là tranh cãi quanh câu hỏi Hiến pháp: *Ai là người điều hành đất nước?* Tổng thống hay Quốc hội?. Trên thực tế, chủ đề trên sẽ trở thành một cuộc tranh luận được lặp đi lặp lại trong nền chính trị Hoa Kỳ vào cuối thế kỉ XIX và XX, thậm chí cho đến tận ngày nay.

3. Kết luận

Năm 1861, những chia rẽ nội bộ trầm trọng xung quanh vấn đề bảo tồn, mở rộng hay xóa bỏ chế độ nô lệ, vấn đề quyền của các bang trong quan hệ với Liên bang trở thành những nhân tố chính thúc đẩy 11 bang miền Nam tiến hành li khai. Khi Nội chiến kết thúc với chiến thắng của phe Liên bang miền Bắc (1865), đã có nhiều kịch bản được đưa ra để quyết định số phận chính trị của các bang miền Nam. Trong đó, nổi bật lên là kế hoạch “phục hồi” của hai Tổng thống Abraham Lincoln và Andrew Johnson; và kế hoạch “tái thiết” khắc nghiệt của Quốc hội. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng, dù có sự khác biệt là mục đích, phương thức và người lãnh đạo nhưng không có ý kiến nào đề nghị loại trừ các bang miền Nam ra khỏi Liên bang hay đề nghị xác lập một đường biên giới mới. Vì vậy, cho đến năm 1870, sau khi đáp ứng được yêu cầu của chính quyền Liên bang, tất cả các bang li khai đã được tái hội nhập Liên bang với đầy đủ các quyền chính trị của mình.

Việc tái xác lập địa vị pháp lí của các bang miền Nam sau Nội chiến cũng được xem là một cuộc cách mạng định hình nước Mỹ hiện đại. Trước Nội chiến, xu hướng phân quyền luôn là một rào cản trong sự phát triển. Việc loại trừ được xu hướng li khai ở miền Nam, xây dựng chính quyền trung ương thống nhất và đầy sức mạnh đã giúp chủ nghĩa Liên bang Mỹ (American Federalism) trở thành dòng chảy tất yếu duy nhất trong quá trình phát triển của đất nước; khẳng định rằng đất nước này không phải là một tập hợp những bang bán độc lập mà là một khối thống nhất không thể tách rời được. Tái thống nhất hệ thống chính trị quốc gia là nhân tố quan trọng mang tính quyết định sự phát triển mạnh mẽ của nước Mỹ đầu thế kỉ XX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Từ điển Luật học*, 2006. Viện khoa học pháp lí, Bộ Tư pháp. Nxb Tư pháp.
- [2] *Hiến pháp Mỹ*. Nguồn: <https://www.usconstitution.net/const.html>.
- [3] John Pierce, *The Reasons for Secession: A Documentary Study*. Nguồn: <https://www.battlefields.org/learn/articles/reasons-secession>, truy cập ngày 19/7/2023.
- [4] Chacón, M., & Jensen, J., 2020. The Political and Economic Geography of Southern Secession. *The Journal of Economic History*, 80(2), 386-416, Published online by Cambridge University Press: 24 March 2020. Nguồn: <https://www.cambridge.org/core/journals/journal-of-economic-history/article/abs/political-and-economic-geography-of-southern-secession/798AF6C8A988E668B6680E5D8260ED9F>.
- [5] Richard Kreitner, 2020. *Break It Up: Secession, Division, and the Secret History of America's Imperfect Union*, Little Brown.
- [6] Brenda Stalcup, 2001. *Reconstruction: Opposing Viewpoints*. Greenhaven Press, California.
- [7] Foner Eric, 1988. *Reconstruction: America's Unfinished Revolution*. New York: Harper & Row.
- [8] Foner Eric, 2019. *The Second Founding: How the Civil War and Reconstruction Remade the Constitution*. New York: W. W. Norton.
- [9] McDonald, Forrest, 2000. *States' Rights and the Union*. University Press of Kansas.
- [10] Klein, Maury, 1997. *Days of Defiance: Sumter, Secession, and the Coming of the Civil War*. Knopf Doubleday.
- [11] Nguyễn Thái Yên Hương, 2015. *Lịch sử Hoa Kỳ giai đoạn lập quốc đến thế kỉ XIX*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [12] Alan Brinkley, 2006. *The Unfinished Nation: A Concise History of the American People*. McGraw-Hill Humanities, New York.
- [13] https://avalon.law.yale.edu/19th_century/john_chap_01.asp

ABSTRACT

**Re-establishing legal status of the south states after civil war:
options and implementation process (1863 - 1877)**

Nguyen Thi Bich

Faculty of History, Hanoi Pedagogical University No2

Since the founding of the country, threats of secession and division have been a constant feature of American political discourse. The most serious secessionist attempt was made in the 1860s and 1861s when 11 Southern states each announced their renunciation of their Confederacy, seceded from the United States, and joining together to form a new union government under the leadership of President Jefferson Davis. Understanding how the United States re-established the legal status of the secessionist states is to learn about the process of establishing the most important principles that determine the development of the United States: Destroy secession, accept secession, embrace diversity; build a strong central government; change the relationship between the central government and local government. The result of this process would fundamentally change the superstructure, helping to shape the shape of the modern United States. Within the scope of the article, the author focuses on three issues: firstly, analyze the arguments Southern states used to justify secession; second, systematize the content of the three plans proposed by the President and Congress to bring the Southern states back into the Union; thirdly, initially provided comments and assessments regarding the issue of re-establishing the legal status of the 11 southern states mentioned above.

Keywords: secession, civil war, re-established the legal status, the south states.